CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư LDG

Ngày 30/09/2025	4,890 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.8%	**40.9%**	**137.4**

DT thuần
Q3/25
122
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 119| 3393%
YoY: ▲ 147| 582%

LN thuần
Q3/25
45.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 150| 144%
YoY: ▲ 121| 161%

LN sau thuế
Q3/25
108
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 213| 203%
YoY: ▲ 185| 240%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
88.7%
YoY: +/-▲ 2760%

ROE (TTM)
Q3/25
-16.7%
YoY: +/-▲ 10.9%

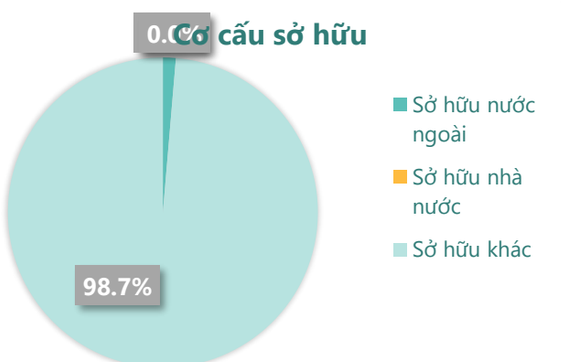
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	1,600 - 7,050
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,250
Số lượng CPLH (CP)	255,615,849
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,391,965
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	1.15
EPS	-1,131
P/E	-4.3

DT thuần
9T 2025
202
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 377| 216%

LN thuần
9T 2025
-44.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 429| 90.5%

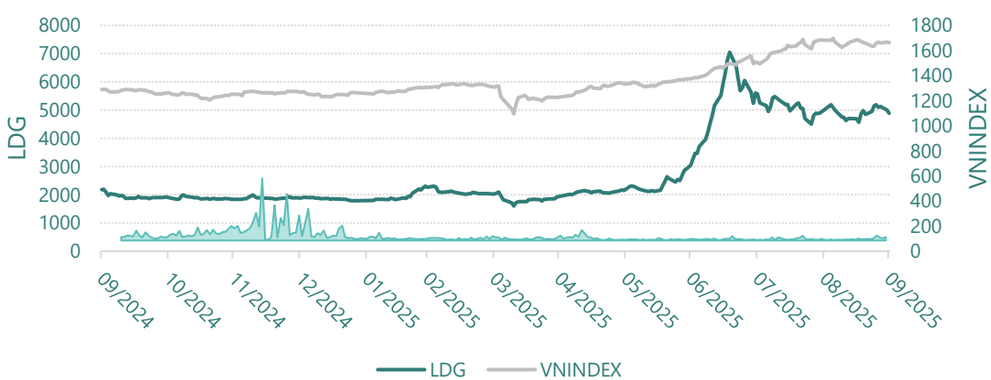
LN sau thuế
9T 2025
15.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 489| 103%

Cơ cấu sở hữu

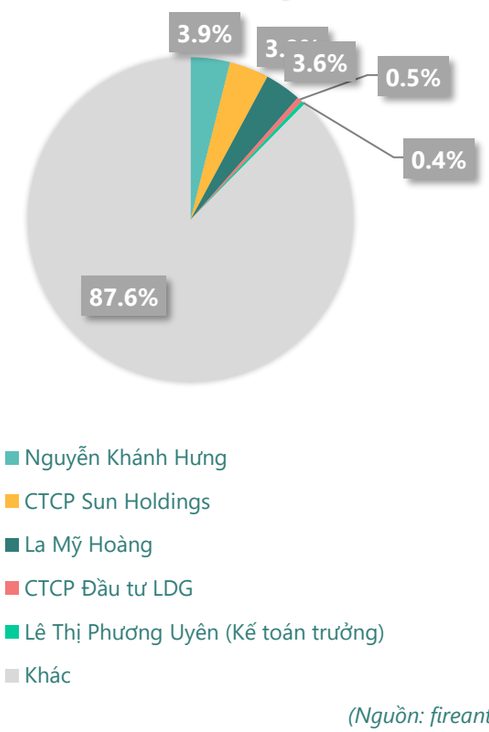


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



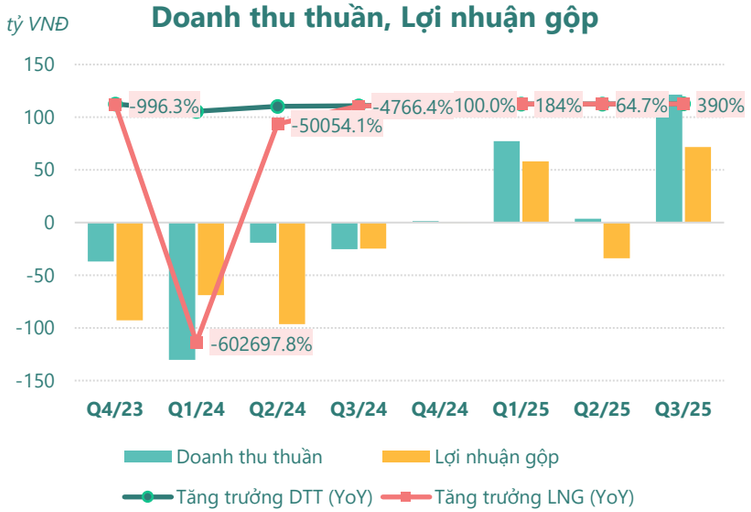
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

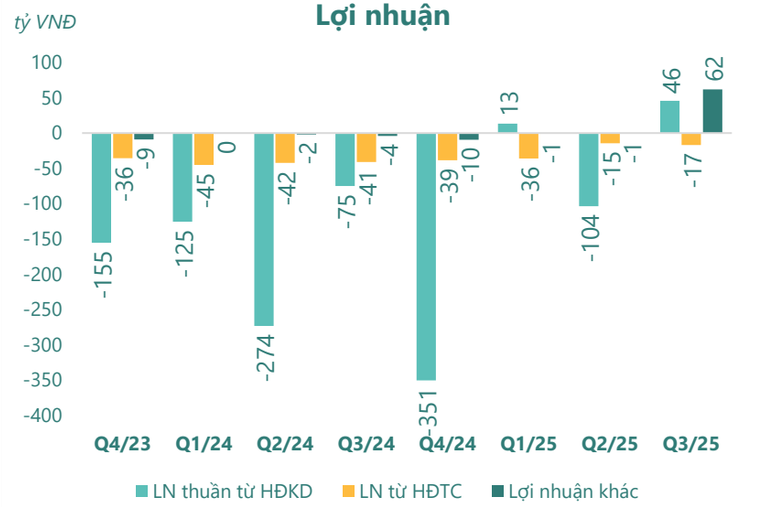
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



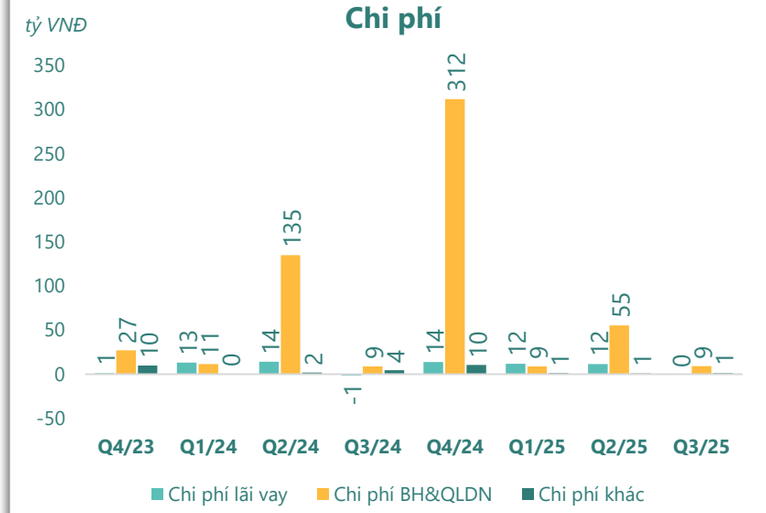
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



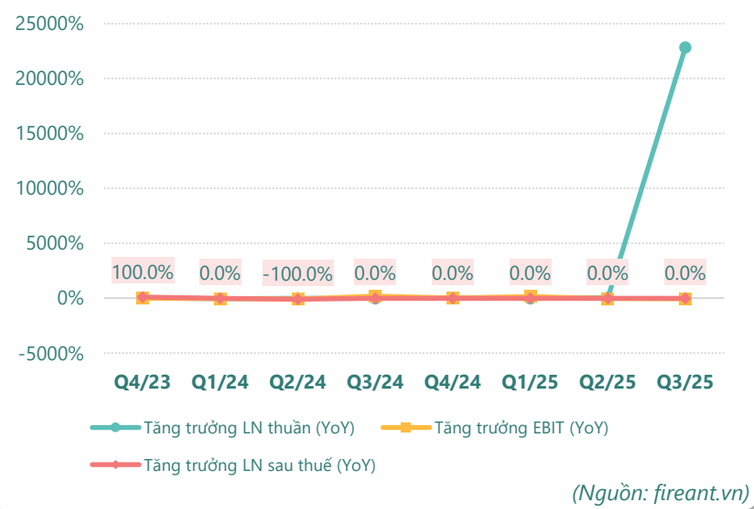
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



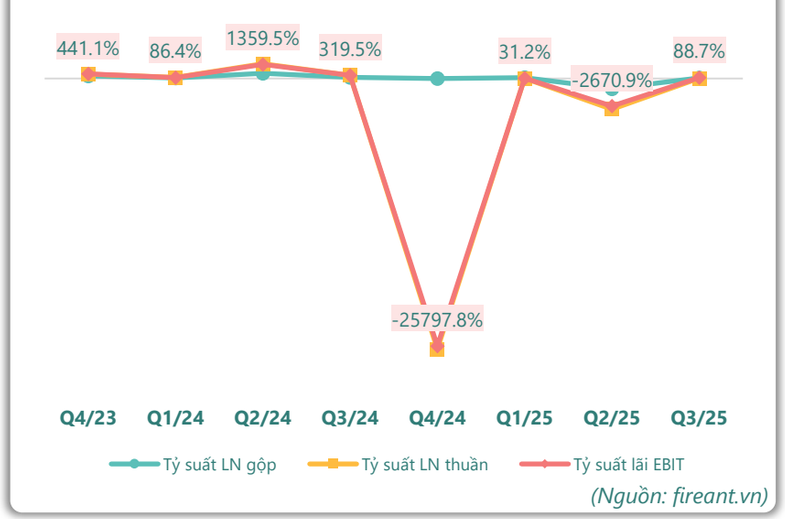
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



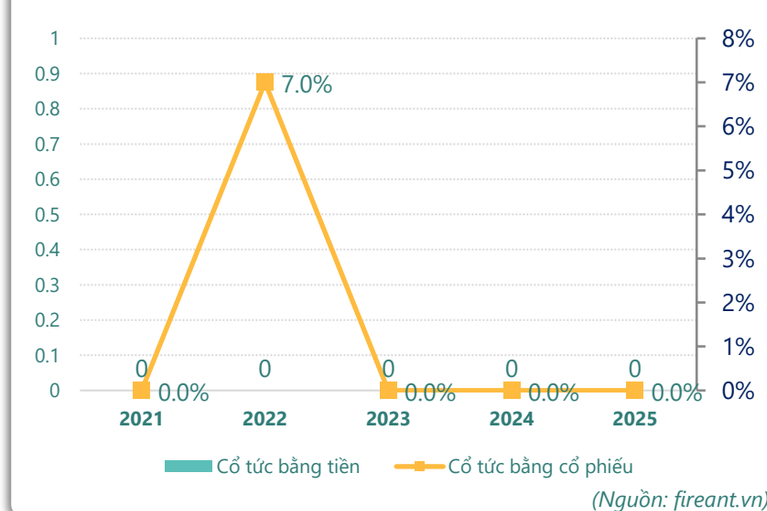
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

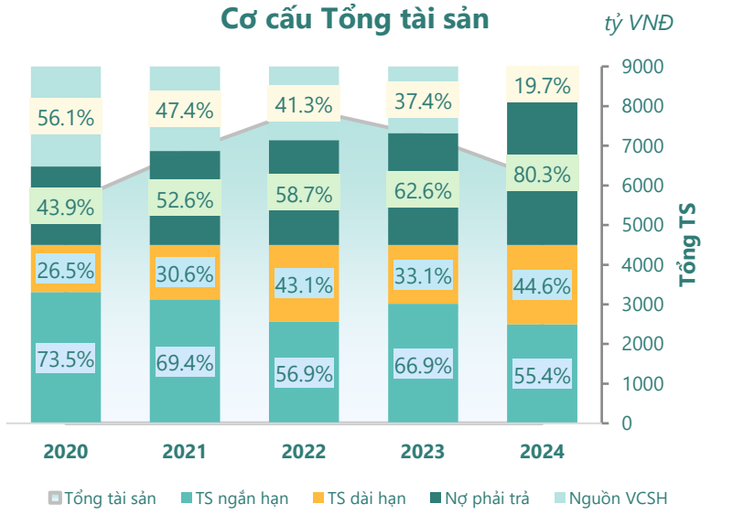
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

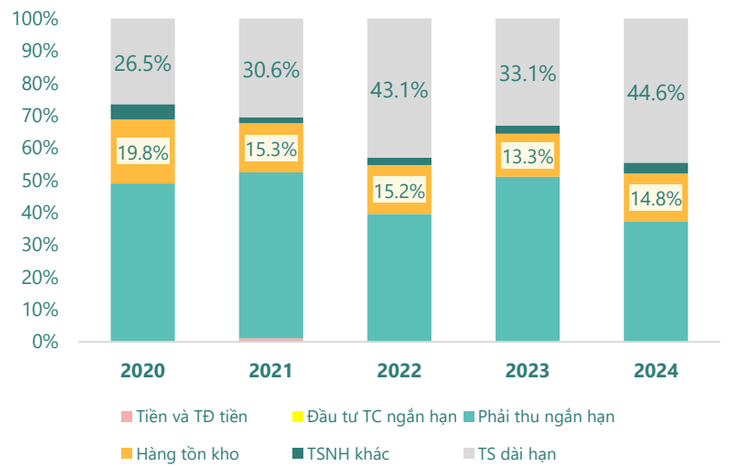
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



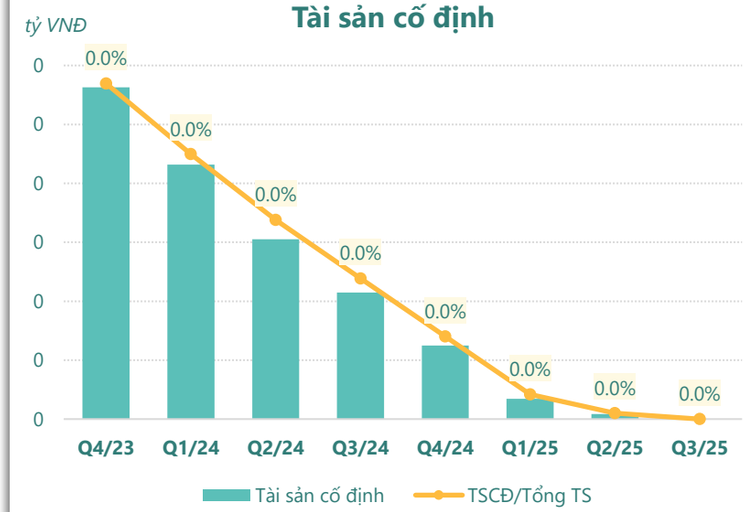
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



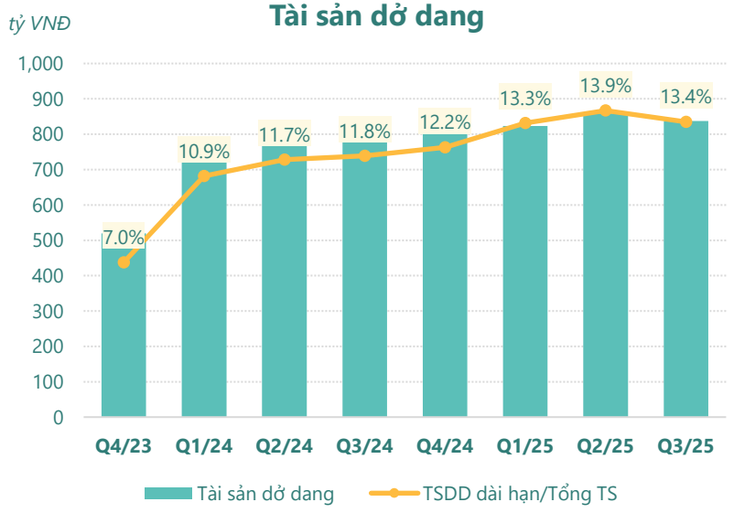
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



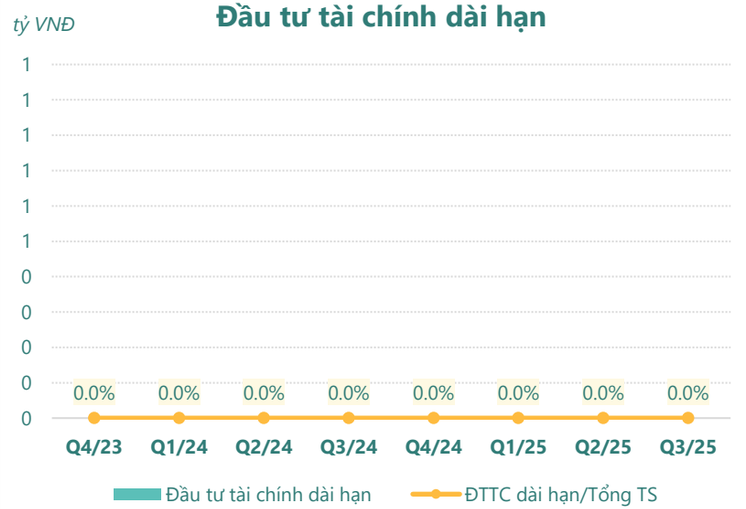
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



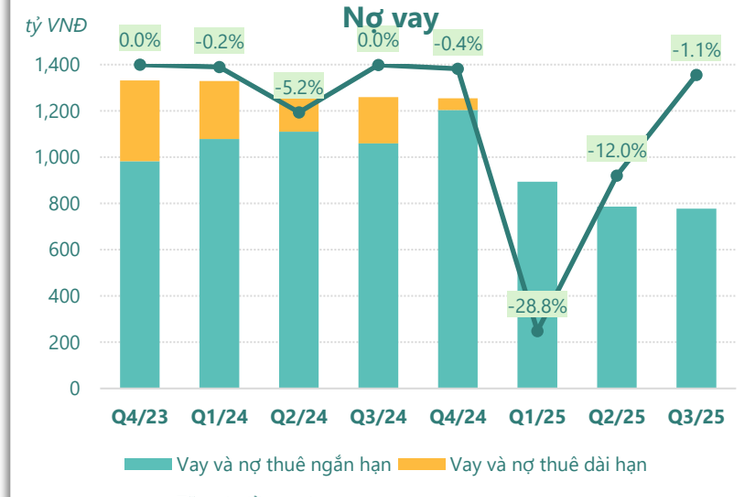
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

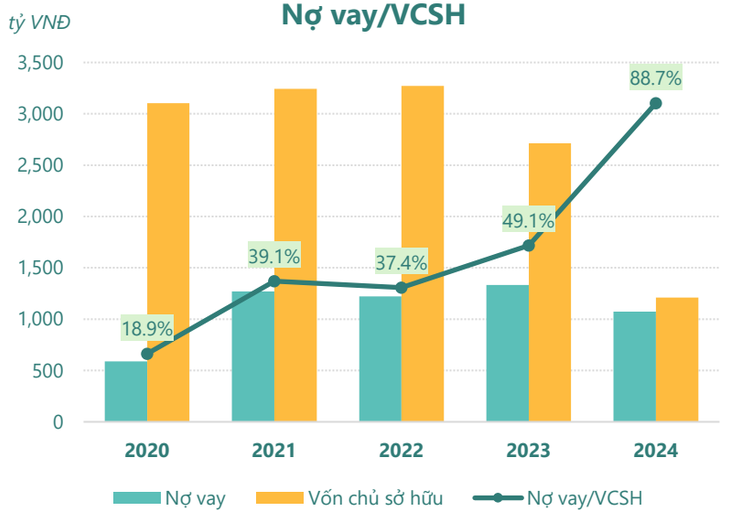
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

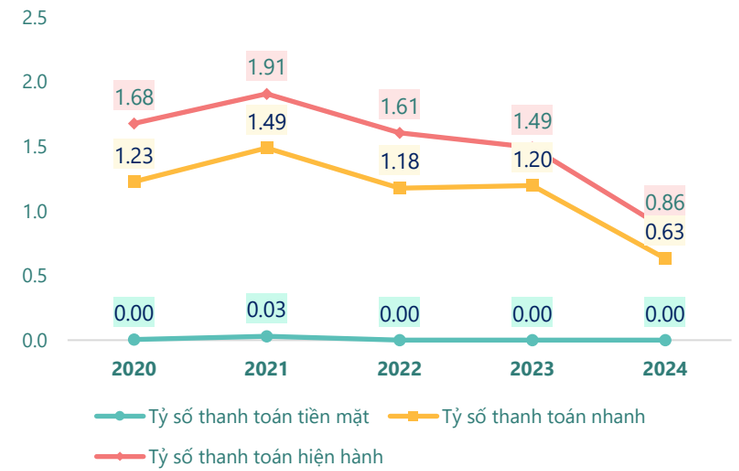
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



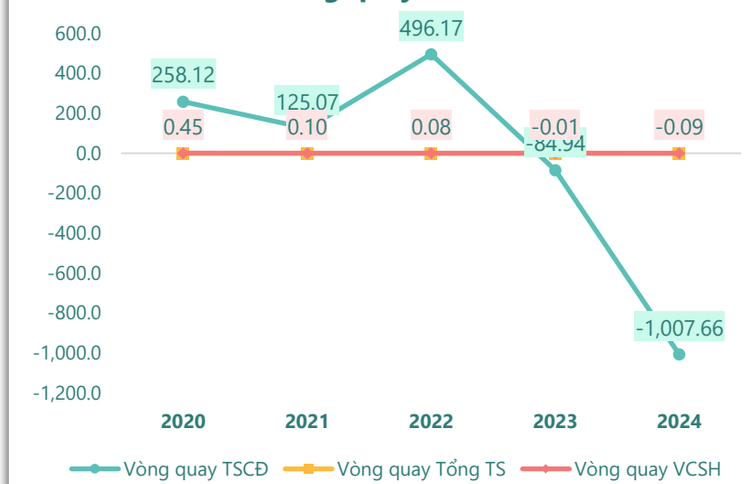
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



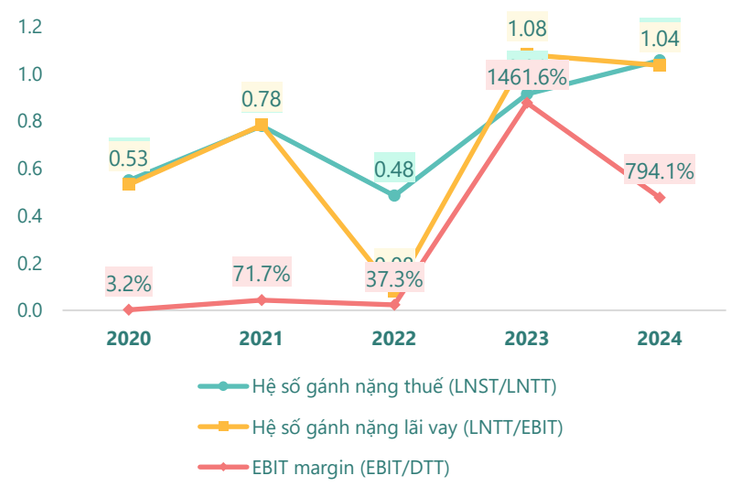
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



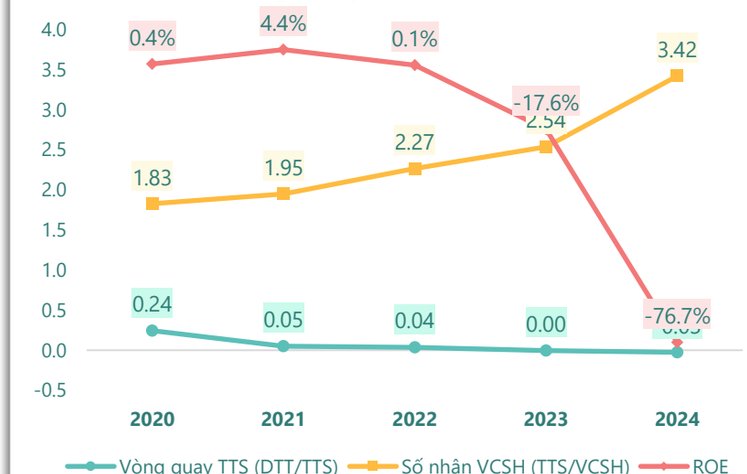
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



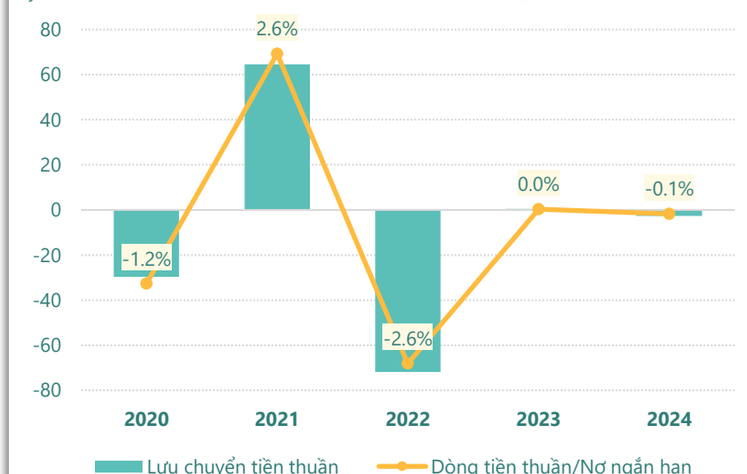
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**122**	**-25.2**	**582%**	**202**	**-175**	**216%**
Giá vốn hàng bán	49.8	-0.39	12857%	106	15.7	579%
Lợi nhuận gộp	71.8	-24.8	389%	95.7	-190	150%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.01	-56.3%
Chi phí TC	16.8	41.1	-59.0%	67.4	128	-47.5%
Chi phí lãi vay	0	-1.41	100%	23.4	25.8	-9.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.79	1.33	34.3%	4.55	11.4	-60.3%
Chi phí QLDN	**7.39**	**7.65**	**-3.5%**	**68.6**	**144**	**-52.3%**
LN thuần từ HĐKD	45.8	-74.9	161%	-44.8	-474	90.5%
Lợi nhuận khác	**62.1**	**-4.14**	**1599%**	**60.4**	**-6.10**	**1090%**
LN trước thuế	108	-79.1	236%	15.6	-480	103%
Lợi nhuận sau thuế	**108**	**-77.1**	**240%**	**15.6**	**-473**	**103%**
LNST của CĐ cty mẹ	**108**	**-77.1**	**240%**	**15.6**	**-473**	**103%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	74.9	-12.3	6.04	189	99.8	8.24
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.01	0.00	-5.43	5.43	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-68.4	-0.40	-5.54	-181	-107	-8.63
Tiền đầu kỳ	6.70	13.1	0.41	0.92	3.33	1.55
Lưu chuyển tiền thuần	**6.44**	**-12.7**	**0.51**	**2.41**	**-1.77**	**-0.39**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.1	0.41	0.92	3.33	1.55	1.16

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,267**	**6,157**	**1.8%**
Tài sản ngắn hạn	3,559	3,413	4.3%
Tiền và tương đương tiền	1.16	0.92	26.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2,494	2,298	8.5%
Hàng tồn kho	862	908	-5.1%
Tài sản ngắn hạn khác	202	206	-1.9%
Tài sản dài hạn	**2,707**	**2,744**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	1,461	1,501	-2.6%
Tài sản cố định	0	0.06	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	838	815	2.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**397**	**411**	**-3.3%**
Lợi thế thương mại	11.0	17.1	-35.6%
Nợ phải trả	5,040	4,946	1.9%
Nợ ngắn hạn	**3,760**	**3,954**	**-4.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	778	1,024	-24.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	152	185	-17.8%
Nợ dài hạn	1,280	992	29.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	50.0	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,227**	**1,211**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,227**	**1,211**	**1.3%**
Vốn điều lệ	2,570	2,570	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)